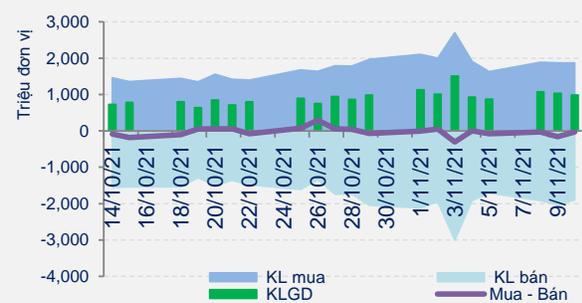
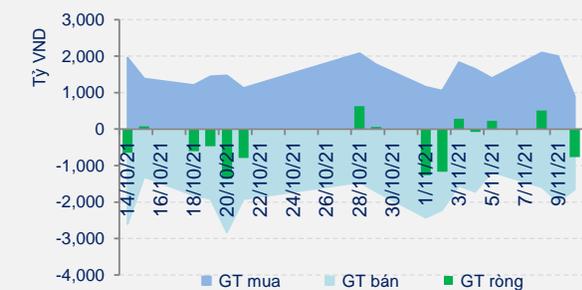


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,465.02	438.24
% Thay đổi	↑ 0.24%	↑ 1.29%
KLGD (CP)	985,572,482	153,650,931
GTGD (tỷ đồng)	29,745.69	4,141.37
Tổng cung (CP)	1,901,448,800	211,558,900
Tổng cầu (CP)	1,871,702,900	209,044,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,373,750	884,542
KL mua (CP)	27,342,790	459,500
GT mua (tỷ đồng)	890.79	14.09
GT bán (tỷ đồng)	1,661.69	20.29
GT ròng (tỷ đồng)	(770.90)	(6.20)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.91%	24.1	3.8	1.1%
Công nghiệp	↑ 1.88%	23.6	3.1	13.2%
Dầu khí	↑ 6.16%	19.9	2.1	4.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.19%	-	6.3	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.33%	18.0	2.6	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.31%	23.3	4.2	10.8%
Ngân hàng	↓ -0.24%	11.5	2.3	15.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.19%	12.3	2.9	21.4%
Tài chính	↑ 0.23%	19.8	3.4	28.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.06%	17.4	3.0	2.5%
VN - Index	↑ 0.24%	17.3	3.0	
HNX - Index	↑ 1.29%	24.1	4.8	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản duy trì ở mức cao. Cụ thể, VN-Index tăng 3,52 điểm (+0,24%) lên 1.465,02 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 301 mã tăng, 50 mã tham chiếu, 195 mã giảm. HNX-Index tăng 5,6 điểm (+1,29%) lên 438,24 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 201 mã tăng, 50 mã tham chiếu, 72 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.107 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 32.402 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu hóa lớn thuộc chỉ số VN30 (-0,22%) có sự phân hóa với bên giảm giá là các mã như PDR (-3,4%), PNJ (-2,8%), HPG (-2,1%), CTG (-1,4%), TCB (-1,1%), VJC (-1%)... và bên tăng giá là các mã như POW (+1,9%), VRE (+1,6%), TPB (+1,4%), GVR (+1,2%), MWG (+1,2%), STB (+1,2%), HDB (+1,1%), GAS (+1%), NVL (+1%)... Đáng chú ý, cổ phiếu PLX (+7%) tăng trần đã giúp đóng góp 1,278 điểm vào mức tăng của VN-Index trong phiên hôm nay. Nhóm cổ phiếu chứng khoán có phiên giao dịch tương đối tích cực với nhiều mã tăng như SSI (+0,9%), VCI (+0,8%), HCM (+1,3%), ORS (+1,9%), VIX (+2,6%), TVB (+2,5%)... Cổ phiếu dầu khí thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh như PVS (+6,5%), BSR (+4,9%), PVD (+1,6%), OIL (+4%), PVC (+5,1%), TDG (+5,6%), PVB (+4,2%)...; thậm chí tăng trần như PLX (+7%), PSH (+7%), PVO (+15%), PCG (+9,2%). Nhóm cổ phiếu xây dựng cũng có phiên giao dịch tích cực với HBC (+7%), MBG (+9,8%), VC3 (+10%), L14 (+10%)... tăng trần; IJC (+2%), FCN (+6,6%), HT1 (+4,5%), LCG (+3%), DPG (+2,5%), VGC (+3,8%)... đều tăng mạnh.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ (+0,24%) trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao cho thấy cho thấy lực cầu mua lên vẫn là tương đối tốt và dòng tiền vẫn đang nằm trong thị trường để tìm kiếm cơ hội. Trên góc nhìn kỹ thuật, thị trường vẫn đang di chuyển trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.550 điểm có thể đạt được trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì thị trường có thể lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu mới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.470,19 điểm. Cũng có thời điểm, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.457,98 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 3,52 điểm (+0,24%) lên 1.465,02 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: PLX tăng 3.800 đồng, GAS tăng 1.200 đồng, GVR tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG giảm 1.200 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 483,33 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 5,6 điểm (+1,29%) lên 438,24 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS tăng 1.900 đồng, L14 tăng 21.500 đồng, VC3 tăng 4.300 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 200 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 807,22 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 14,8 triệu cổ phiếu. PAN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 348,3 tỷ đồng tương ứng với 9,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 126,5 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, MSN là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 45,7 tỷ đồng tương ứng với 310 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1,71 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 335 nghìn cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,3 tỷ đồng tương ứng với 557 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IDJ với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 21 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 71,8 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### HSBC: Tăng trưởng GDP quý 4 dự kiến khoảng 3.8%

Tại báo cáo Vietnam At A Glance tháng 11/2021, HSBC nhận định, với việc Việt Nam dự kiến mở cửa một số điểm đến du lịch từ tháng 11, đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho thị trường lao động và cán cân vãng lai hồi phục.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên. Điều này cho thấy lực cầu mua lên đang có sự dè chừng nhất định nhưng dòng tiền vẫn đang ở lại thị trường để tìm kiếm cơ hội.

Chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong xu hướng tăng của sóng tăng 5 nên chỉ số này hoàn toàn có thể tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

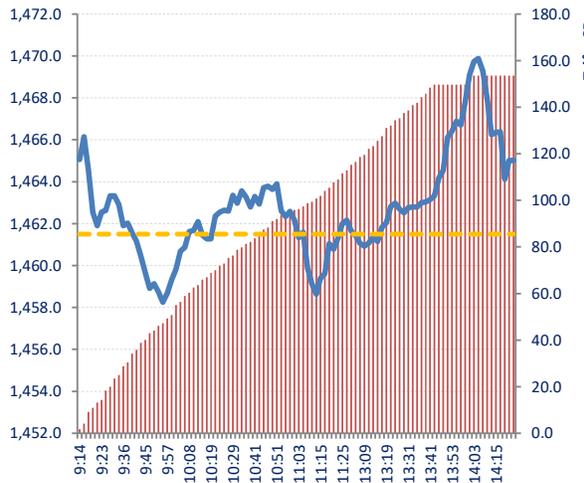
<b>Giá vàng trong nước đi ngang</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 58,75 - 59,25 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 9 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 10/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.100 VND/USD, giảm 9 đồng so với phiên giao dịch ngày hôm trước.

## TIN QUỐC TẾ

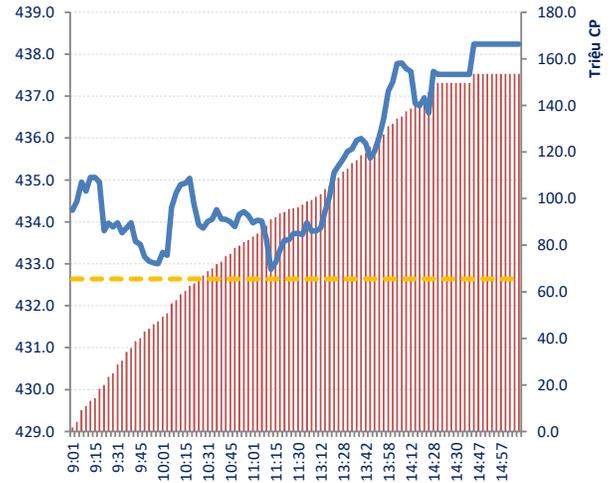
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,9 USD/ounce tương ứng với 0,16% xuống 1.827,9 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,227 điểm tương ứng 0,24% lên 94,188 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1560 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3533 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,15 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,06 USD/thùng tương ứng với 0,07% xuống 84,06 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/11, Dow Jones giảm 112,24 điểm tương đương 0,31% xuống 36.319,98 điểm. Nasdaq giảm 95,81 điểm tương đương 0,6% xuống 15.886,54 điểm. Nasdaq Composite giảm 16,45 điểm tương đương 0,35% xuống 4.685,25 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



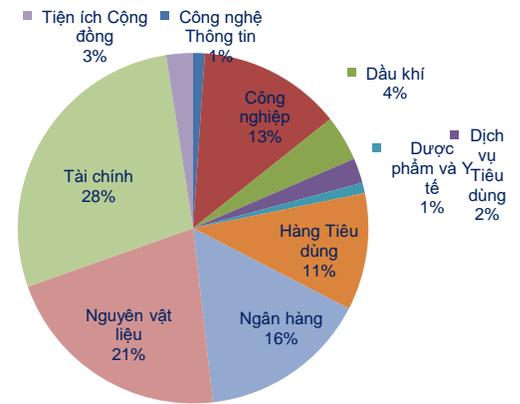
KLGD và HNX-Index trong phiên



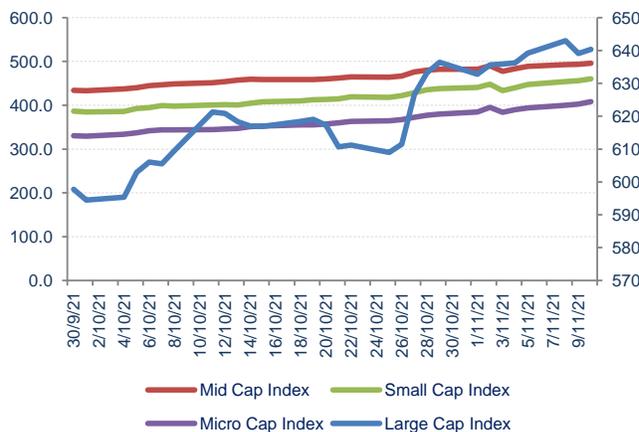
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



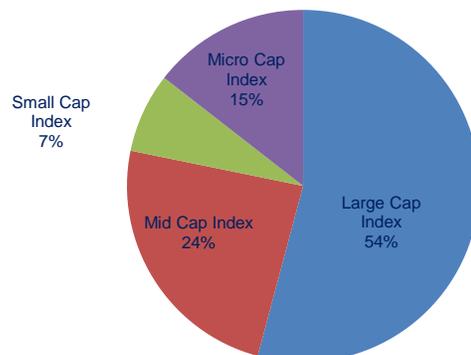
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	760,800	PAN	9,173,088
2	KDH	712,500	HPG	2,274,400
3	MBB	712,300	CII	1,621,600
4	HAG	708,200	DXG	1,486,800
5	HNG	587,100	NLG	1,241,372

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TVD	44,500	HUT	270,200
2	GMX	28,800	PGS	67,300
3	VTV	22,000	IVS	60,000
4	HLC	20,600	PVG	54,600
5	MCF	20,500	HLD	45,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	29.10	29.10	→	0.00%	47,265,300
HPG	56.50	55.30	↓	-2.12%	43,516,600
HAG	6.56	6.70	↑	2.13%	26,083,300
POW	12.85	13.10	↑	1.95%	23,014,100
PAN	36.30	38.70	↑	6.61%	21,009,888

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	29.20	31.10	↑	6.51%	20,500,921
KLF	5.60	5.70	↑	1.79%	7,576,485
IDC	94.50	95.00	↑	0.53%	6,764,509
AMV	11.90	12.70	↑	6.72%	6,546,545
SHS	43.80	43.70	↓	-0.23%	6,537,543

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RIC	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
YBM	9.29	9.94	0.65	↑ 7.00%
JVC	7.15	7.65	0.50	↑ 6.99%
HHP	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
HBC	22.15	23.70	1.55	↑ 7.00%

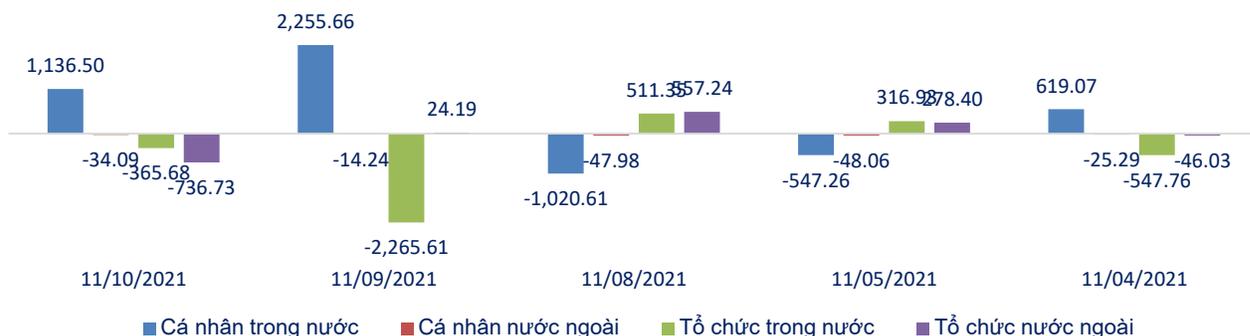
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QHD	37.00	40.70	3.70	↑ 10.00%
VC3	43.00	47.30	4.30	↑ 10.00%
L14	215.00	236.50	21.50	↑ 10.00%
MHL	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
CEO	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMD	46.25	43.05	-3.20	↓ -6.92%
L10	26.80	25.00	-1.80	↓ -6.72%
TNC	35.60	33.50	-2.10	↓ -5.90%
MDG	14.05	13.45	-0.60	↓ -4.27%
BMC	28.40	27.25	-1.15	↓ -4.05%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THS	25.00	22.50	-2.50	↓ -10.00%
CPC	28.00	25.20	-2.80	↓ -10.00%
SGC	77.20	69.60	-7.60	↓ -9.84%
PJC	22.90	21.00	-1.90	↓ -8.30%
ADC	25.30	23.30	-2.00	↓ -7.91%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	273.61	44.7%	7,085	8.0	3.0
DXG	137.64	7.5%	1,406	18.8	1.2
DGC	135.46	29.1%	7,717	20.6	5.3
VND	91.21	34.3%	5,049	13.8	3.2
CII	90.02	0.5%	177	140.4	0.8

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-38.35	8.4%	2,032	72.7	5.4
STB	-37.68	11.1%	1,864	15.1	1.6
TPB	-33.73	23.1%	4,366	9.9	2.1
MBB	-33.08	20.3%	2,943	9.7	1.8
PHR	-30.08	21.0%	5,034	13.9	2.9

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	4.68	13.1%	1,967	6.7	1.0
HNG	3.19	0.7%	51	168.1	1.2
SSI	3.07	16.5%	2,045	21.7	2.6
VND	2.52	34.3%	5,049	13.8	3.2
VNM	2.38	31.0%	5,037	17.8	5.5

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	-7.99	5.5%	740	21.4	1.2
TCH	-7.38	5.6%	1,249	14.9	1.2
SZC	-4.66	20.9%	2,793	20.9	4.2
ITA	-3.42	1.5%	174	54.2	0.8
LSS	-2.58	1.9%	436	39.5	0.7

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	289.27	3.4%	1,009	36.0	1.2
VJC	75.74	1.0%	281	466.9	4.2
FPT	30.36	20.4%	4,436	21.7	4.3
STB	30.28	11.1%	1,864	15.1	1.6
ACB	29.87	24.9%	3,599	9.3	2.1

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-147.35	44.7%	7,085	8.0	3.0
DGC	-133.75	29.1%	7,717	20.6	5.3
DXG	-98.29	7.5%	1,406	18.8	1.2
VND	-65.06	34.3%	5,049	13.8	3.2
TCB	-58.96	21.3%	4,965	10.5	2.1

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	45.18	8.4%	2,032	72.7	5.4
KDH	36.28	13.4%	1,895	25.5	3.2
PHR	28.39	21.0%	5,034	13.9	2.9
MBB	22.30	20.3%	2,943	9.7	1.8
HDB	21.78	20.7%	2,813	9.8	1.9

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	-307.87	3.4%	1,009	36.0	1.2
HPG	-128.02	44.7%	7,085	8.0	3.0
VJC	-82.64	1.0%	281	466.9	4.2
NLG	-76.05	13.6%	4,688	13.1	1.6
VNM	-73.49	31.0%	5,037	17.8	5.5



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	47,265,300	17.8%	2,427	12.0	2.0
HPG	43,516,600	3250.0%	7,085	8.0	3.0
HAG	26,083,300	-18.4%	(1,220)	-	1.2
POW	23,014,100	8.6%	1,167	11.0	0.9
PAN	21,009,888	3.4%	1,009	36.0	1.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,500,921	4.6%	1,238	23.6	1.1
KLF	7,576,485	0.1%	6	921.5	0.5
IDC	6,764,509	11.8%	1,805	52.4	6.0
AMV	6,546,545	4.4%	621	19.2	0.9
SHS	6,537,543	25.5%	3,139	14.0	2.1

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RIC	↑ 7.0%	-10.6%	(1,144)	-	2.0
YBM	↑ 7.0%	7.5%	907	10.2	0.7
JVC	↑ 7.0%	-17.3%	(708)	-	1.8
HHP	↑ 7.0%	12.2%	1,531	9.3	1.1
HBC	↑ 7.0%	2.2%	370	59.9	1.2

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QHD	↑ 10.0%	14.9%	2,779	13.3	2.0
VC3	↑ 10.0%	3.1%	343	125.4	3.9
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	108.2	13.0
MHL	↑ 10.0%	1.5%	185	43.2	0.8
CEO	↑ 10.0%	-4.7%	(606)	-	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	760,800	20.7%	2,813	9.8	1.9
KDH	712,500	13.4%	1,895	25.5	3.2
MBB	712,300	20.3%	2,943	9.7	1.8
HAG	708,200	-18.4%	(1,220)	-	1.2
HNG	587,100	0.7%	51	168.1	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TVD	44,500	11.7%	1,298	11.2	1.3
GMX	28,800	28.4%	3,063	7.2	1.1
VTV	22,000	0.4%	57	173.6	0.8
HLC	20,600	13.8%	1,677	9.2	1.3
MCF	20,500	7.0%	776	14.6	1.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	361,413	38.3%	8,968	9.3	3.0
VIC	361,115	2.9%	1,111	85.4	2.2
VCB	360,132	20.4%	5,696	17.0	3.3
HPG	252,720	44.7%	7,085	8.0	3.0
GAS	228,143	16.9%	4,384	27.2	4.5

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	81,970	25.2%	4,694	49.9	14.2
IDC	28,350	11.8%	1,805	52.4	6.0
KSF	20,640	8.8%	774	88.9	3.5
VCS	19,696	41.5%	11,163	11.0	4.2
BAB	17,096	8.6%	979	23.2	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.79	22.7%	3,584	20.1	4.1
CTS	2.62	19.5%	2,677	13.5	2.4
DRH	2.61	2.1%	292	77.5	1.6
AGR	2.59	10.2%	1,004	19.3	1.9
VND	2.35	34.3%	5,049	13.8	3.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	3.24	2.9%	300	63.3	1.8
APS	3.13	22.8%	1,832	24.0	3.9
PVL	2.42	9.9%	475	24.4	2.3
BTS	2.36	-0.4%	(42)	-	1.1
IVS	2.20	4.1%	412	39.8	1.6



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)